TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 284/2026/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997;

Số căn cước công dân: 040197004684, cấp ngày 19/11/2023;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Võ Phương N, sinh năm 1990;

Số căn cước công dân: 044090001595, cấp ngày 20/02/2022;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 10 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Võ Phương N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Phương N thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Hoàng Huyền A, sinh ngày 27/3/2019 và Võ Hoàng Việt A1, sinh ngày 22/9/2022. Hai bên thoả thuận: Sau khi ly hôn, giao hai con Võ Hoàng Huyền A và Võ Hoàng Việt A1 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Phương N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Phương N mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; chị H thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho anh N. Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 150.000 đồng. Số tiền án phí chị Nguyễn Thị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000812, ngày 06/10/2026 của Thi hành án dân tỉnh Quảng Trị. Chị H được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4**.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Tân Mỹ
(GCNKH số 31 ngày 03/7/2017);
- Công an xã Tân Mỹ;
- Phòng THADS khu vực 4;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Châu Mạnh Cường